

Số: / SGDDĐT-GDTrH
V/v đánh giá kết quả 03 năm thực hiện CT
GDPT 2018 đối với cấp THCS và 02 năm
đối với cấp THPT

Nam Định, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện/thành phố;
- Các trường THPT trong tỉnh.

Nhằm đánh giá hiệu quả của việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông (CT GDPT) 2018 qua 03 năm đối với cấp THCS, 02 năm đối với cấp THPT cũng như chỉ ra những tồn tại, hạn chế để từ đó xây dựng phương hướng, nhiệm vụ triển khai tốt hơn CT GDPT 2018 toàn cấp THCS, THPT trong năm học 2024-2025, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đánh giá kết quả thực hiện CT GDPT 2018 với các nội dung cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO

1. Công tác tham mưu

a) Đối với Sở GDĐT

Căn cứ văn bản của Trung ương, Bộ GDĐT¹, Sở GDĐT chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành các kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo về thực hiện chương trình, xây dựng tài liệu giáo dục địa phương (GDĐP), lựa chọn và phê duyệt sách giáo khoa (SGK)²...

b) Đối với các phòng GDĐT

Căn cứ hướng dẫn của Sở GDĐT, phòng GDĐT các huyện, thành phố tham mưu cho UBND huyện/thành phố ban hành các văn bản thực hiện CT GDPT 2018 về việc thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới Chương trình và SGK, kế hoạch triển khai thực hiện CT GDPT 2018, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm các năm học...; ngoài ra, một số phòng GDĐT tham mưu ban hành một số văn bản chuyên đề cụ thể như: kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất (CSVC) đáp ứng CT GDPT 2018 (huyện Nghĩa Hưng); Đề án “Đổi mới và nâng cao chất lượng toàn diện GDĐT” (huyện Hải Hậu); Nghị quyết về thực hiện CT GDPT mới (huyện Trực Ninh, Nam Trực); Chỉ thị về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập (huyện Xuân Trường).

¹ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc Hội về đổi mới chương trình, SGK GDPT; Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BGDĐT ngày 30/10/2022 của Bộ GDĐT về ban hành CT GDPT; Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc đổi mới chương trình, SGK GDPT; ...

² Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới CT GDPT tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về triển khai thực hiện CT GDPT mới; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 26/7/2019 về việc biên soạn, thẩm định và tổ chức thực hiện nội dung GDĐP trong CT GDPT; Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định cụ thể tiêu chí lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Nam Định; các Quyết định Phê duyệt danh mục SGK sử dụng trên địa bàn tỉnh và từng trường; ...

2. Công tác chỉ đạo

a) Đối với Sở GDĐT

Căn cứ vào các văn bản của Bộ GDĐT, UBND tỉnh, hằng năm, Sở GDĐT ban hành các văn bản chỉ đạo phòng GDĐT, các trường THPT về các nội dung như: Thực hiện các Nghị quyết liên quan đến kết quả giám sát của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; xây dựng kế hoạch, rà soát bổ sung đội ngũ, CSVC, thiết bị dạy học (TBDH); tổ chức tập huấn, hội thảo dạy học GDĐT và các môn học mới; khảo sát chất lượng dạy và học; hoạt động cụm/miền trường sinh hoạt về chương trình dạy học lớp 6,7,8,10,11 trong đó trọng tâm về phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất và năng lực người học.

b) Đối với phòng GDĐT

Căn cứ văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT, UBND huyện/thành phố, các phòng GDĐT kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện CT GDPT 2018, trong đó tập trung vào công tác dạy và học, xây dựng các loại kế hoạch trong nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ, CSVC, TBDH, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, SGK, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

c) Đối với các trường THPT

Căn cứ các văn bản của Sở GDĐT, các trường THPT đã chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn, bộ phận có liên quan triển khai CT GDPT 2018; tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch dạy học môn học, tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn; kế hoạch giáo dục của giáo viên; kế hoạch bài dạy (giáo án), kế hoạch kiểm tra đánh giá... và các văn bản có liên quan khác.

II. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, CƠ SỞ VẬT CHẤT DẠY HỌC

Từ năm học 2020-2021, trước khi thực hiện CT GDPT 2018, Sở GDĐT đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch đầu tư cải tạo, sửa chữa, xây mới khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học, khối phòng hỗ trợ học tập, nhà vệ sinh ở tất cả các trường học, hướng tới đảm bảo mức tối thiểu theo tiêu chuẩn hiện hành³; tăng cường đầu tư CSVC, TBDH nhằm thực hiện đổi mới CT GDPT 2018; 100% các trường có máy vi tính, tivi thông minh kết nối mạng Internet phục vụ dạy học và quản trị nhà trường.

1. Quy mô trường, lớp và số học sinh (HS)

a) Đối với cấp THCS: Số trường THCS giữ ổn định là 226 trường, hằng năm số lớp và số HS của mỗi khối tăng nhẹ: lớp 6 tăng nhiều nhất trong năm học 2023-2024 với 7.755 HS.

³ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ GDĐT Ban hành Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Bảng 1: Số lượng lớp, học sinh qua các năm học thực hiện CT GDPT 2018

TT	Năm học	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh
1	2021-2022	724	28.077						
2	2022-2023	778	30.372	740	28.257				
3	2023-2024	912	38.124	759	30.236	732	27.873		
4	2024-2025	820	33.247	922	37.992	764	30.219	730	27.861

b) Đối với cấp THPT:

Bảng 2: Số lượng lớp, học sinh qua các năm học thực hiện CT GDPT 2018

TT	Năm học	Lớp 10		Lớp 11	
		Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh
1	2022-2023	473	20.673		
2	2023-2024	496	21.326	473	20.465

Số trường THPT giữ ổn định với 57 trường; lớp 10 qua 02 năm đều tăng về số lớp và số học sinh, số lớp 11 ổn định so với lớp 10 của năm thực hiện CT 2018.

2. Phòng học

Tất cả các cấp học đều bố trí 01 phòng học/lớp là các phòng học kiên cố, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện CT GDPT 2018; hầu hết các phòng học được trang bị bàn ghế 2 chỗ ngồi, có ti vi thông minh/máy chiếu,... Bước vào đầu mỗi năm học, các đơn vị đã tích cực sửa chữa, xây mới và nâng cấp các phòng học (một số phòng học được trang bị điều hòa) và ưu tiên các phòng học có điều kiện tốt nhất cho HS học theo CT GDPT 2018; một số trường THPT tích cực tiến hành nâng cấp, xây mới, sửa chữa các khối công trình nhà trường⁴.

Khối phòng học tập được trang bị, sắp xếp cơ bản theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; các trường có khối phòng hỗ trợ học tập (Thư viện, Phòng thiết bị giáo dục, Phòng tư vấn học đường, Phòng truyền thống, Phòng Đoàn, Đội...). Cấp THPT hiện có 1.397 lớp, 1.436 phòng học (thừa 39 phòng); khối THCS hiện có 2.981 lớp, 2.954 phòng học (thiếu 27 phòng, chủ yếu xảy ra ở khu vực thành phố Nam Định).

Theo mức tối thiểu về CSVC được quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT: cấp THCS chủ yếu thiếu phòng học bộ môn, thư viện, các phòng hành chính quản trị, phòng kho, phòng họp tổ/nhóm chuyên môn...; cấp THPT thiếu phòng học bộ môn, nhà vệ sinh, kho thiết bị, phòng tư vấn, phòng họp tổ/nhóm chuyên môn... (Phụ lục I).

⁴ Các trường THPT: Nguyễn Khuyến, Tống Văn Trân, Trần Hưng Đạo, Giao Thủy C và Nguyễn Huệ (đã được tỉnh phê duyệt dự án), Trần Quang Quang Khải (xây dựng phòng thực hành Tin học), Quang Trung (phòng học bộ môn, các phòng KHXH sưu tầm vật dụng như bảo tàng đồng quê thu nhỏ), Nguyễn Công Trứ (xây các phòng học bộ môn, ngoài ra nhà trường đầu tư có hệ thống đàn Piano, Organ, trống ... phục vụ dạy âm nhạc; Lê Hồng Phong, Mỹ Lộc và Trần Văn Lan đầu tư hệ thống thư viện hiện đại, tiện lợi.

3. Thiết bị dạy học

Trước mỗi năm học, Sở GDĐT đã ban hành các văn bản chỉ đạo các đơn vị tổ chức rà soát, có kế hoạch đầu tư mua sắm TBDH theo danh mục của Bộ GDĐT⁵.

Trong 03 năm qua, Sở GDĐT đã tích cực tham mưu UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí để đầu tư mua sắm TBDH đáp ứng triển khai CT GDPT 2018; nhiều trường đã tận dụng bộ đồ dùng của những năm học trước hoặc sử dụng các TBDH số, thí nghiệm ảo, TBDH tự làm ...

a) Đối với cấp THCS

Trong 03 năm học thực hiện CT GDPT 2018, đa số các nhà trường đã sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, xã hội hóa, tài trợ để mua sắm thiết bị dùng chung, đồ dùng dạy học (chủ yếu là Tivi thông minh, máy vi tính, máy chiếu, TBDH trực tuyến, hệ thống loa đài...) với giá trị gần 82 tỷ đồng.

Bảng 3: Tổng hợp nguồn kinh phí chi đầu tư TBDH lớp 6,7,8 thực hiện CT GDPT 2018

Đơn vị tính: Đồng

TT	Phòng GDĐT	Số HS lớp 6,7,8 năm học 2023-2024	Số tiền đầu tư TBDH	Số tiền TB 01 HS được đầu tư
1	Ý Yên	12.341	13.915.468.000	1.127.580
2	Vụ Bản	6.956	7.585.000.000	1.090.426
3	Trực Ninh	9.507	9.248.816.000	972.843
4	Hải Hậu	14.898	14.244.385.138	956.127
5	Nam Trực	9.335	8.546.661.200	915.550
6	Mỹ Lộc	4.165	3.804.294.600	913.396
7	Nghĩa Hưng	8.822	7.518.965.000	852.297
8	Giao Thủy	9.349	7.167.298.190	766.638
9	Xuân Trường	8.643	5.395.379.000	624.248
10	TP Nam Định	12.226	4.308.071.500	352.370
	Tổng		81.734.338.628	

b) Đối với cấp THPT

Qua 02 năm học, các trường đã sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách, xã hội hóa để mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học, chủ yếu là Tivi thông minh, máy vi tính, máy chiếu, thiết bị trực tuyến, hệ thống loa đài, bàn ghế 02 chỗ ngồi, hoá chất, dụng cụ thí nghiệm, TBDH khác ... với giá trị hơn 31 tỷ đồng. Như vậy, trung bình 01/HS được đầu tư hơn 747.000 đồng (Phụ lục II).

⁵ Văn bản hợp nhất Thông tư ban hành Danh mục TBDH tối thiểu: cấp THCS số 03/VBHN-BGDĐT ngày 26/04/2024, cấp THPT số 06/VBHN-BGDĐT ngày 10/6/2024.

III. ĐỘI NGŨ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Cán bộ quản lý (CBQL)

Toàn tỉnh có 463 CBQL cấp THCS trong đó 222 Hiệu trưởng (226 trường THCS), 241 Phó Hiệu trưởng. Cấp THPT có 163 CBQL trong đó 55 Hiệu trưởng (57 trường THPT), 108 Phó Hiệu trưởng. CBQL các cấp của toàn tỉnh đã được tập huấn trên LMS và hằng năm được tập huấn trực tiếp các Mô-đun theo quy định của Bộ GDĐT, thường xuyên được tập huấn các nội dung khác liên quan đến CT mới, do vậy đã nắm bắt và triển khai hiệu quả CT GDPT 2018.

2. Giáo viên

Để đảm bảo đội ngũ dạy CT GDPT 2018, Sở GDĐT chỉ đạo các phòng GDĐT, các trường THPT cân đối số GV hiện có trong toàn cấp học ưu tiên GV nhiệt tình, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), có năng lực với chuyên ngành đào tạo phù hợp dạy các lớp thực hiện CT GDPT 2018, đồng thời điều động, biệt phái GV giữa các nhà trường để dạy các môn học mới như Khoa học tự nhiên (KHTN), Lịch sử và Địa lý, các môn học khác thuộc cấp THCS cũng như bảo đảm sự đồng đều về chất lượng dạy học. Đối với cấp THPT, Sở GDĐT đã biệt phái 31 lượt GV từ trường thừa GV sang trường thiếu.

Hằng năm, các phòng GDĐT đã bố trí hơn 3.500 lượt GV dạy mỗi khối lớp. Ngoài ra, để bảo đảm chất lượng dạy và học, các phòng GDĐT đã tiến hành điều động, biệt phái, tăng cường hơn 162 GV (Phụ lục III). Theo thống kê các đơn vị, số GV cần được đào tạo để dạy môn KHTN theo Quyết định 2454/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 của Bộ GDĐT là 604 người, cần được đào tạo dạy môn Lịch sử và Địa lý theo Quyết định 2455/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 là 744 người. Hiện nay, Sở GDĐT phối hợp với Đại học Sư phạm Hà Nội mở các lớp nâng chuẩn lên Đại học cho môn Mỹ thuật 27 người, Tin học 31 người, Giáo dục thể chất 39 người, Tiếng Anh 38 người. Sở GDĐT đã trình UBND tỉnh xin kinh phí để tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng GV thực hiện CT GDPT 2018 cho 2.023 GV⁶ (Phụ lục III).

Đối với cấp THPT toàn tỉnh đã bố trí 2.175 lượt GV dạy khối 10 trong đó 100% GV đạt chuẩn, 20,34% trên chuẩn; bố trí 2.105 lượt GV dạy khối 11 trong đó 100% GV đạt chuẩn, 20,86% trên chuẩn.

Đội ngũ GV các cấp hiện có cơ cấu tương đối đầy đủ ở các bộ môn, bên cạnh đó một số môn thừa thiếu cục bộ (Phụ lục III), nhưng về cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai CT GDPT 2018. Công tác bồi dưỡng, tập huấn GV được quan tâm, chú trọng cả trên LMS và tập huấn trực tuyến, trực tiếp các mô-đun thuộc CT GDPT 2018. Đội ngũ GV chủ động, tích cực tham gia sinh hoạt chuyên môn, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, sinh hoạt chuyên môn theo

⁶ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về việc Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS giai đoạn 2020-2025; Công văn số 441/UBND-VP7 ngày 28/7/2021 về việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học, THCS năm 2021; Quyết định số 2454/QĐ-BGDĐT, 2455/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy các môn học Lịch sử và Địa lý, KHTN theo CT GDPT 2018.

ngiên cứu bài học. Các nhà trường tạo mọi điều kiện để GV được tham gia học tập nâng cao trình độ.

Đối với cấp THCS do đội ngũ GV còn thiếu về chủng loại, nhất là 02 môn: KHTN, Lịch sử & Địa lý nên đã gây khó khăn trong việc thực hiện chương trình; quản lý, kiểm tra, đánh giá HS và xếp thời khóa biểu.

IV. SÁCH GIÁO KHOA, NGUỒN HỌC LIỆU VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổ chức lựa chọn, phát hành, tập huấn sử dụng sách giáo khoa

a) Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa

Sở GDĐT đã chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành: Quy định tiêu chí lựa chọn SGK, Quyết định phê duyệt danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông ở tất cả các khối lớp.

Sở GDĐT đã chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời các cơ sở giáo dục, các Phòng GDĐT tổ chức thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa đúng quy định⁷, năm học 2024-2025, từng cơ sở giáo dục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục SGK sử dụng trong nhà trường.

Hàng năm, qua kiểm tra về tổ chức lựa chọn sách giáo khoa tại các nhà trường Sở GDĐT nhận thấy các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc, khách quan, công khai, minh bạch, lưu hồ sơ đầy đủ. Tuy nhiên, phiếu nhận xét của một số giáo viên còn chung chung, giống nhau, chưa nêu bật được ưu điểm bộ sách đơn vị đề xuất lựa chọn.

b) Tập huấn sử dụng SGK

Sở GDĐT đã phối hợp với các nhà xuất bản (NXB) xây dựng kế hoạch tập huấn sử dụng SGK, yêu cầu các đơn vị chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn tham gia tập huấn sử dụng SGK kịp thời, đúng lịch, đầy đủ theo kế hoạch (mỗi môn 01 ngày). Kết quả: 100% CBQL, GV tham gia tập huấn hoàn thành trong tháng 7 hằng năm, kiểm tra đánh giá, nộp sản phẩm sau tập huấn đầy đủ.

c) Công tác đảm bảo SGK

Phòng GDĐT, các trường THPT tổng hợp số lượng SGK gửi về Sở GDĐT để chuyển UBND tỉnh cung cấp cho các NXB, vào đầu các năm học mới HS, GV đều có đủ SGK và tài liệu khác phục vụ soạn giảng. Các trường đã hỗ trợ để cha mẹ HS và HS chủ động mua sách đảm bảo chất lượng, kịp thời. Các trường cũng tích cực mua và tặng SGK cho HS nghèo, mua các bộ sách khác nhau cho thư viện.

2. Việc sử dụng SGK, nguồn học liệu và tài liệu tham khảo vào dạy học

GV sử dụng SGK theo hướng dẫn đã được tập huấn của các NXB; tích cực khai thác các nguồn học liệu và tài liệu tham khảo phục vụ cho các hoạt động dạy và học (cả bản giấy và bản điện tử như file bài giảng, hình ảnh, video bài dạy minh họa, TBDH số ...).

Năm học 2021-2022, GV tích cực tham gia cuộc thi Thiết kế bài giảng điện tử cấp tỉnh; năm học 2022-2023, 2023-2024 GV tích cực tham gia cuộc thi xây dựng TBDH số qua đó đã xây dựng kho học liệu số ngành Giáo dục có chất lượng phục vụ đổi mới

⁷ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020, Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023.

nội dung, phương pháp dạy-học, kiểm tra, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và thực hiện CT GDPT 2018 nói riêng⁸.

Những năm đầu tiên tiếp cận và sử dụng SGK mới nên GV và HS còn nhiều bỡ ngỡ. Một bộ phận GV vẫn quan niệm SGK là pháp lệnh, chưa coi SGK là công cụ, là phương tiện, là nơi cung cấp ngữ liệu thực hiện CT GDPT 2018 nên lúng túng trong quá trình thực hiện. Nguồn tài liệu tham khảo trên thị trường còn ít, chưa hỗ trợ tốt cho người dạy và người học trong quá trình thực hiện CT GDPT mới.

Việc giới thiệu SGK và các nguồn tài liệu tham khảo cho học sinh được các đơn vị thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định⁹; Sở GDĐT không nhận được phản ánh về việc lạm dụng vị trí công tác của GV, CBQL để thực hiện ép buộc, vận động HS hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo.

V. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

1. Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục tại các cơ sở giáo dục

Sở GDĐT kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trong đó tăng cường phân cấp, giao quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, gắn với việc nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ CBQL phù hợp với tình hình và điều kiện cụ thể của từng nhà trường, bám sát yêu cầu cần đạt theo CT GDPT 2018 đối với từng khối lớp. 100% đơn vị đã xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, được Hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện linh hoạt hiệu quả phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

Năm học 2021-2022, Sở GDĐT đã chỉ đạo các nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục linh hoạt tận dụng “thời gian vàng” tổ chức giảng dạy những nội dung trọng tâm, cốt lõi; sẵn sàng chuyển trạng thái từ trực tiếp sang dạy học trực tuyến¹⁰; năm học 2022-2023, Sở GDĐT đã chỉ đạo các nhà trường tập trung hoàn thành chương trình, ưu tiên kiểm tra, đánh giá cuối kỳ và đã hoàn thành chương trình giáo dục theo đúng

⁸ Năm học 2021-2022: có 726 bài giảng tham gia dự thi (THCS: 500 bài giảng; THPT: 226 bài giảng), đánh giá ở mức Đạt trở lên cho 475 bài giảng cấp THCS với 303 giải (Nhất: 21; Nhì 58; Ba: 98; KK: 126) và 219 bài giảng cấp THPT với 141 giải (Nhất: 15; Nhì 21; Ba: 47; KK: 58).

Năm học 2022-2023: THCS 393 sản phẩm dự thi, THPT 201 sản phẩm dự thi; cấp tỉnh đã lựa chọn được 1.325 sản phẩm thuộc nhóm 2 (gồm cả tiểu học) là các sản phẩm có thể sử dụng ngay trong dạy và học, 132 sản phẩm thuộc nhóm 3 là các sản phẩm được đề cử dự thi vòng chung khảo toàn quốc với kết tinh Nam Định xếp thứ Nhất toàn quốc đạt 31/154 giải toàn quốc (với 2/5 Giải Nhất; 4/10 Giải Nhì; 8/50 Giải Ba và 17/89 Giải KK).

Năm học 2023-2024: Có 1.808 sản phẩm dự thi. Ban Tổ chức đã công nhận kết quả cho 1.440 sản phẩm dự thi, trong đó có 31 Giải Nhất, 70 Giải Nhì, 113 Giải Ba, 370 Giải Khuyến khích, 856 sản phẩm “Đạt”; Cuộc thi Thiết kế Bài giảng điện tử tiếng Anh do NXB Giáo dục Việt Nam kết quả toàn tỉnh đoạt 19 giải trong đó 1 giải Đặc biệt, 1 giải Nhất, 2 giải Nhì, 3 giải Ba, 9 giải Khuyến khích và 1 giải phụ.

⁹ Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/06/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc sử dụng SGK và sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông; Công văn số 1010/SGDĐT ngày 29/6/2022 của Sở GDĐT về việc sử dụng SGK, sách tham khảo trong các cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn số 3379/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2023 của Bộ GDĐT về việc phối hợp chỉ đạo cung ứng SGK phục vụ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo; Công văn số 414/UBND-VP7 ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh về việc phối hợp chỉ đạo cung ứng SGK phục vụ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.

¹⁰ Sở GDĐT đã tổ chức tập huấn, liên hệ cung cấp tài khoản bản quyền dạy học trực tuyến cho các nhà trường như: OLM, Office 365 của Microsoft, Vioedu; lựa chọn nền tảng CNTT, tập huấn giáo viên, hướng dẫn HS và cha mẹ HS, xây dựng kho học liệu số...

Khung thời gian do UBND tỉnh ban hành. Năm học 2023-2024, thực hiện chỉ đạo của Sở GDĐT và từ kinh nghiệm các năm học trước các đơn vị có những giải pháp tích cực triển khai CT GDPT 2018 như chuẩn bị kiến thức, năng lực, phẩm chất cho HS lớp 12 chuẩn bị cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và học lớp 9 tham dự kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

Căn cứ công văn hướng dẫn của Sở GDĐT về thực hiện chương trình và thực hiện nhiệm vụ Giáo dục trung học, các nhà trường đã bố trí dạy học các môn học/hoạt động giáo dục (HĐGD), dạy học tích hợp, lồng ghép theo hướng dẫn của Bộ¹¹; dạy học các môn học tích hợp như KHTN, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, GDĐP linh hoạt phù hợp và dạy học các môn học khác đã bảo đảm theo quy định¹².

Việc xây dựng, chuyển đổi các tổ hợp môn học lựa chọn và các chuyên đề học tập lựa chọn ở lớp 10,11 tại các trường THPT được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT¹³, bảo đảm vừa đáp ứng nguyện vọng của HS, vừa sử dụng hiệu quả đội ngũ GV của nhà trường.

Sở GDĐT đã chỉ đạo trường THPT chuyên Lê Hồng Phong xây dựng kế hoạch giáo dục và kế hoạch dạy học các môn theo hướng dẫn tại Công văn số 4171/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2022 của Bộ GDĐT về hướng dẫn nội dung dạy học các môn chuyên cấp THPT.

Tuy nhiên, đối với môn KHTN, tuy đã linh hoạt trong dạy logic hoặc song song nhưng qua kiểm tra, vẫn có trường phân công 01 GV dạy tất cả các chủ đề trong khi GV không bảo đảm về chuyên môn được đào tạo (kể cả môn Lịch sử và Địa lý).

Đối với hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: các nhà trường còn cứng nhắc trong tổ chức thực hiện, chưa linh hoạt các hình thức dạy học được hướng dẫn tại Chương trình môn học; chưa phân định rõ giờ kiêm nhiệm của GV chủ nhiệm với giờ GV chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ dạy hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.

¹¹ Các trường đã chú trọng việc triển khai dạy học tích hợp, lồng ghép các nội dung: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, loà cho HS; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục về tác hại của thuốc lá; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số ... trong các môn học, HĐGD.

¹² Công văn số 1459/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2023 của Sở GDĐT về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024; Công văn số 1875/SGDĐT-GDTrH ngày 24/10/2023 của Sở GDĐT về việc xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

¹³ Tại Công văn số 702/SGDĐT-GDTrH ngày 12/5/2022 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023 (Hướng dẫn thực hiện Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023); Công văn số 1232/SGDĐT-GDTrH ngày 8/8/2022 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn bổ sung thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023; Công văn số 2090/SGDĐT-GDTrH ngày 30/12/2022 của Sở GDĐT chuyển trường đối với học sinh phổ thông và chuyển đổi môn học, cụm chuyên đề học tập lựa chọn cấp THPT từ năm học 2023-2024; Công văn số 1390/SGDĐT-GDTrH ngày 11/8/2023 của Sở GDĐT chuyển trường đối với học sinh phổ thông và chuyển đổi môn học, cụm chuyên đề học tập lựa chọn cấp THPT từ năm học 2023-2024.

Đối với nội dung GDĐP: một số đơn vị phân công dạy theo năng lực chuyên môn; tuy nhiên, một số nhà trường giao cho một GV dạy hoặc GV chủ nhiệm dạy là chưa đảm bảo phân công GV đúng chuyên môn dạy học.

Kế hoạch dạy thêm học thêm theo CT GDPT 2018 của các đơn vị chưa đảm bảo, một số trường còn sao chép yêu cầu cần đạt của môn học buổi sáng vào kế hoạch dạy thêm học thêm, chưa xây dựng yêu cầu cần đạt phù hợp với mục tiêu của từng đối tượng cần củng cố và nâng cao kiến thức trong dạy thêm.

2. Đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS theo quy định của CT GDPT 2018

Bước vào đầu mỗi năm học, các GV được tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực (mô-đun 1,2,4,9) và kiểm tra, đánh giá thường xuyên (mô-đun 3), xây dựng ma trận, bản đặc tả kiểm tra định kỳ; tập huấn sử dụng SGK, trong đó chú trọng việc tổ chức dạy học các môn mới, dạy học tích hợp; các trường, cụm trường tăng cường hội thảo, dự giờ, kịp thời chia sẻ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho GV trong quá trình dạy học SGK mới. Sở GDĐT đã tổ chức Hội thảo chuyên môn để trao đổi kinh nghiệm, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho CBQL, GV thực hiện chương trình, SGK lớp lớp 6,7,8,10,11; thông qua các video tiết dạy giáo viên đã thảo luận, đề xuất ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm các tiết dạy sách giáo khoa mới; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực quản lý chuyên môn, tập trung vào sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và xây dựng quy chế chuyên môn cho cấp THCS và THPT.

Các trường, tổ chuyên môn, giáo viên đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tại các cơ sở giáo dục được kiểm tra, thanh tra, trong các tiết dạy ở Hội thi Giáo viên dạy giỏi THCS cấp tỉnh, nhiều giáo viên đã thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học. Tuy nhiên, việc đổi mới phương pháp dạy học chưa đồng đều các đơn vị, các tổ nhóm chuyên môn, từng giáo viên; một số đơn vị chưa khai thác hiệu quả trang thiết bị dạy học; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Các trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS¹⁴ đảm bảo khách quan, công bằng, đúng phẩm chất và năng lực HS. Việc xây dựng đề kiểm tra định kỳ theo đúng qui trình đã được tập huấn, có ma trận, bản đặc tả và viết câu hỏi phục vụ ma trận theo 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao, trong đó chỉ rõ các kỹ năng, năng lực cần được kiểm tra; tỉ lệ phân bố câu hỏi ở các mức độ nhận thức phù hợp với đối tượng HS.

Tuy nhiên, năm học 2021-2022 do dịch COVID-19 diễn biến phức tạp nên việc thực hiện phương pháp, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực còn hạn chế; đến năm học 2022-2023, GV đã tích cực triển khai các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, giúp HS được chủ động tham gia các hoạt động học. Đối với cấp THPT, việc viết câu hỏi theo định dạng đề thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 tại Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 chưa đảm bảo, giáo viên còn lúng túng trong chọn ngữ liệu.

¹⁴ Theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông.

Ngoài ra, ở một số đơn vị giáo viên chưa thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá (chưa chú ý đánh giá HS thông qua thực hành, sản phẩm, hồ sơ học tập của HS; chưa kết hợp thường xuyên giữa đánh giá kết quả và đánh giá quá trình rèn luyện, học tập của HS) do cần thời gian nhiều hơn để thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra.

3. Việc tổ chức tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn cụm/miền, tự học trên LMS

Trong mỗi năm học, để bảo đảm chất lượng dạy và học, cụm/miền trường THCS/THPT thuộc các huyện đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiều hoạt động chuyên môn dành cho GV và HS như: Hội thảo các chuyên đề dạy học, Hội giảng đổi mới phương pháp dạy học, Ngày hội STEM, giao lưu văn nghệ, thể thao, thi HSG cụm ...¹⁵.

Căn cứ kế hoạch của Bộ GDĐT, hằng năm Sở GDĐT đều ban hành Kế hoạch về tổ chức bồi dưỡng GV và CBQL thực hiện CT GDPT 2018 và tiến hành tổ chức tập huấn cho 100% CBQL, GV cấp THPT và trên 17,4% CBQL, GV cốt cán cấp THCS (sau đó đội ngũ cốt cán cấp Phòng tập huấn lại cho 100% CBQL, GV THCS còn lại của phòng). Sở GDĐT tiến hành tập huấn cho toàn ngành về ứng dụng AI vào dạy học, về dạy học trực tuyến ứng phó với dịch bệnh

Sở GDĐT đã cử 38 CBQL cốt cán, 225 GV cốt cán cấp THCS và THPT tham dự các lớp tập huấn mô-đun tại Bộ GDĐT và về triển khai tại tỉnh. Sở GDĐT đã tham mưu UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí mua tài khoản bồi dưỡng trực tuyến các mô-đun triển khai CT GDPT 2018 cho toàn thể GV và CBQL trong tỉnh; tổ chức tập huấn mô-đun cho GV và CBQL cấp THCS và THPT bằng hình thức trực tuyến/trực tiếp. Sở

¹⁵ Năm học 2022-2023:

- Đối với cụm THPT: 9/9 Cụm tổ chức Hội thi GVĐG một số môn học lớp 10, 11 theo CT GDPT 2018; cụm Xuân Trường mời Vụ trưởng Vụ GDTrH Chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm triển khai CT GDPT 2018; Hội thảo Ứng dụng CNTT (cụm Mỹ Lộc-Vụ Bản).

- Đối với các Phòng GDĐT: Hải Hậu: Hội thảo về dạy đọc hiểu văn bản 1,2,3 trong một bài học; Mỹ Lộc: 03 buổi sinh hoạt NCBH cho CBQL, giáo viên trong toàn huyện đối với các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, KHTN của lớp 7; Nghĩa Hưng: Zalo môn/lớp, cung cấp học liệu điện tử; sinh hoạt cụm xây dựng ma trận, đặc tả bài kiểm tra định kì lớp 6, 7 cho 05 cụm chuyên môn; Nam Trực: Tổ chức “gối sóng” thi GV dạy giỏi cấp miền, huyện; Ý Yên: Mời Giáo sư, Phó Giáo sư –Tổng chủ biên, chủ biên CT GDPT 2018, chủ biên của các bộ sách Toán, Ngữ văn (Cánh Diều) hội thảo CT và SGK, ĐMPPDH và KTĐG, tháo gỡ bản khoản vướng mắc về CT, SGK, PPDH lớp 7 môn Ngữ văn và Toán lớp 7 với các Tác giả viết SGK; Xuân Trường: Vụ GDTrH trực tiếp dự giờ dạy KHTN.

Năm học 2023-2024:

- Đối với cụm THPT: 9/9 cụm trường tổ chức Hội thảo chia sẻ về những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện CT GDPT 2018, Hội giảng một số môn học lớp 11 với tổng số 48 tiết học; Các cụm trường THPT tổ chức Hội thảo, Hội giảng Chương trình GDPT 2018 các môn học lớp 11: Cụm trường THPT Nam Trực gồm 04 môn Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, tổ chức ngày 14/10/2023; cụm trường THPT Giao Thủy gồm 03 môn Lịch sử, Địa lí và Công nghệ (Nông nghiệp) ngày 04/11/2023; cụm trường THPT Trực Ninh gồm 03 môn Lịch sử, Vật lí và Toán, tổ chức ngày 14/11/2023; cụm trường THPT Nghĩa Hưng gồm 03 môn Toán, Ngữ văn và Hóa học, tổ chức ngày 30/11/2023; cụm trường THPT Ý Yên gồm 05 môn Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh và Lịch sử, tổ chức ngày 04/12/2023; cụm trường THPT huyện Hải Hậu gồm 04 môn Toán, Vật lí, Ngữ văn và GDTC, tổ chức ngày 06/01/2024; các cụm trường THPT còn lại đều dự kiến tổ chức Hội thảo, Hội giảng trong tháng 01/2024.

- Đối với phòng GDĐT: mỗi phòng đều tổ chức Hội thảo, Hội giảng một số môn học thuộc CT GDPT 2018 do Sở phân công và đơn vị chọn thêm.

GDĐT tổ chức Hội thảo dạy học kết nối xuyên biên giới nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phẩm chất và năng lực HS đáp ứng CT GDPT 2018. Sở GDĐT đã ban hành Kế hoạch số 1696/KH-SGDĐT ngày 25/10/2022 về tổ chức dạy học kết nối qua đó đã thúc đẩy GV, HS được trao đổi chuyên môn, giao lưu với các nền văn hóa khác nhau trên thế giới giúp hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực HS một cách toàn diện, nâng cao năng lực ngoại ngữ, tin học cho GV và HS; một số đơn vị tiêu biểu như: phòng GDĐT thành phố Nam Định (THCS Phùng Chí Kiên, Trần Đăng Ninh), phòng GDĐT huyện Hải Hậu (THCS Hải Tân), THPT Trần Hưng Đạo, THPT chuyên Lê Hồng Phong, THPT Nguyễn Khuyến.

Trước khi triển khai CT GDPT 2018 đối với các lớp đầu cấp, Sở GDĐT đã tổ chức tập huấn cho 100% CBQL và GV cốt cán về xây dựng các loại kế hoạch trong nhà trường, xây dựng tổ hợp môn lựa chọn, việc kiểm tra đánh giá, xây dựng khung chương trình, phân phối chương trình môn học/HĐGD, soạn giáo án theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, qua đó giúp các nhà trường thuận lợi trong việc triển khai các công việc trong năm học. Qua việc thanh, kiểm tra, Sở GDĐT nhận thấy các nhà trường cơ bản thực hiện tốt các nội dung đã tập huấn, tổ chức thực hiện chương trình các khối lớp thuận lợi.

Tuy nhiên, một số báo cáo Hội thảo còn mang tính hình thức; chưa có chiều sâu về chuyên môn, khoa học.... Một số giáo viên chưa tích cực trong tham gia đánh giá, nhận xét tại hội thảo, hội giảng; một số giáo viên đánh giá, nhận xét chưa thực sự có tính chất xây dựng nên chưa động viên, khuyến khích được phong trào và hiệu quả của Hội giảng chưa cao. Các cụm trường chưa sáng tạo, đột phá trong khâu tổ chức (vẫn còn tổ chức theo lối mòn, truyền thống); chưa thúc đẩy các cá nhân mạnh dạn thể hiện sự sáng tạo trong Hội giảng hay trong báo cáo chuyên đề trong quá trình tổ chức Hội thảo.

4. Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT

a) Kết quả rèn luyện

- Đối với cấp THCS

Bảng 4: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 6 qua 03 năm học thực hiện CT GDPT 2018 (tính theo %)

TT	Năm học	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2021-2022	86,38	12,07	1,54	0,01
2	2022-2023	88,48	10,22	1,20	0,10
3	2023-2024	90,11	9,21	0,65	0,03

Bảng 5: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 7 qua 02 năm học thực hiện CT GDPT 2018 (tính theo %)

TT	Năm học	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2022-2023	86,46	12,03	1,42	0,09
2	2023-2024	88,59	10,44	0,89	0,07

Qua bảng thống kê nhận thấy: Kết quả đánh giá rèn luyện của HS khối 6,7 qua các năm thực hiện CT GDPT 2018 là khá ổn định, không có nhiều khác biệt (tỉ lệ HS rèn luyện mức Tốt tăng khoảng 2%, trong khi tỉ lệ mức Chưa đạt giảm).

Bảng 6: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 8 năm học 2023-2024 (CT mới 2018) và lớp 8 năm học 2022-2023 (CT cũ)

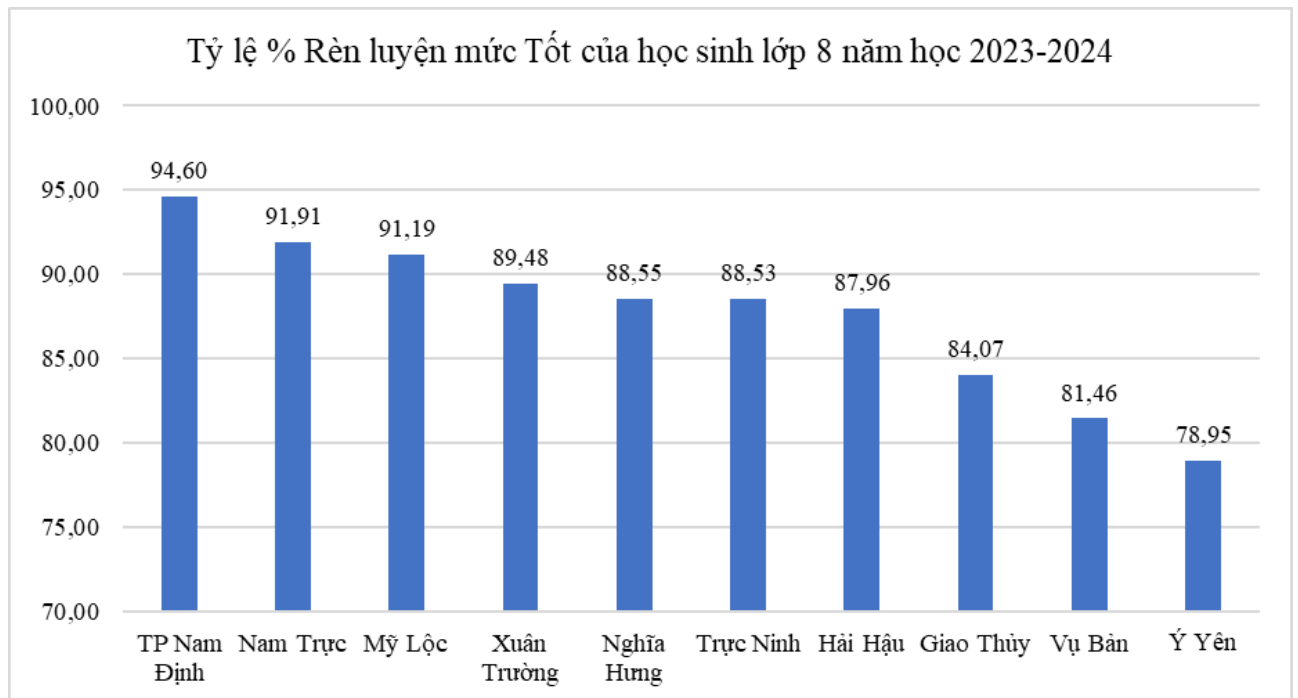
Kết quả rèn luyện HS lớp 8 năm học 2023-2024 (tính theo %)				Kết quả hạnh kiểm HS lớp 8 năm học 2022-2023 (tính theo %)			
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Tốt	Khá	TB	Yếu
87,53	10,89	1,43	0,15	88,61	10,35	1,01	0,03

Qua bảng thống kê nhận thấy: Hạnh kiểm của HS lớp 8 năm học 2022-2023 so với kết quả rèn luyện của HS thực hiện CT GDPT 2018 là rất tương đồng nhau, không có sự chênh lệch đáng kể.

Bảng 7: So sánh kết quả rèn luyện của cùng 01 đối tượng HS qua 03 năm thực hiện CT GDPT 2018

TT	Năm học	Lớp	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2021-2022	6	86,38	12,07	1,54	0,01
2	2022-2023	7	86,46	12,03	1,42	0,09
3	2023-2024	8	87,53	10,89	1,43	0,15

Qua bảng kết quả nhận thấy: Cùng đối tượng HS qua 03 năm kết quả rèn luyện hầu như không thay đổi, như vậy có thể thấy việc đánh giá của các cơ sở giáo dục là khá ổn định. Qua mỗi năm học sinh có chiều hướng tốt lên về mặt đạo đức, lối sống.



Đồ thị 1: Tỷ lệ % Rèn luyện mức Tốt của học sinh lớp 8 năm học 2023-2024 của các huyện/thành phố

Qua đồ thị nhận thấy, thành phố Nam Định đánh giá học sinh đạt mức Tốt cao nhất (94,60%), chênh lệch với huyện thấp nhất là Ý Yên đến 15,65%.

- Đối với cấp THPT

Bảng 8: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 10 qua 02 năm học thực hiện CT GDPT 2018 (tính theo %)

TT	Năm học	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2022-2023	87,61	10,21	1,93	0,24
2	2023-2024	91,18	7,25	1,19	0,38

Qua bảng thống kê nhận thấy: Kết quả rèn luyện của HS lớp 10 qua 02 năm học thực hiện CT GDPT 2018 có độ chênh nhẹ, năm học sau có mức Tốt cao hơn năm đầu thực hiện CT mới là 3,57%

Bảng 9: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 10, lớp 11 qua 02 năm học thực hiện CT GDPT 2018 (cùng 01 đối tượng học sinh, tính theo %)

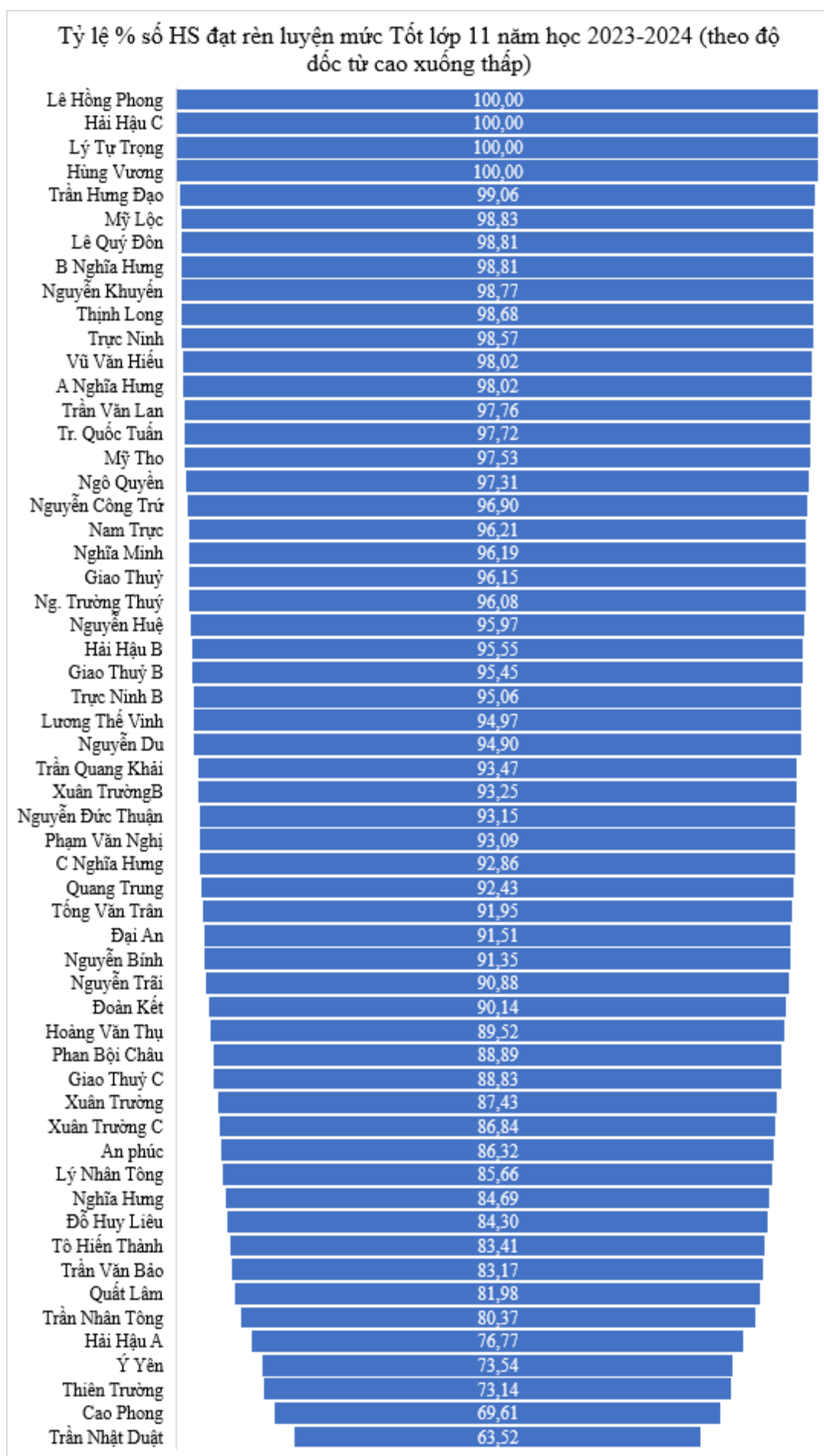
TT	Năm học	Lớp	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2022-2023	10	87,61	10,21	1,93	0,24
2	2023-2024	11	92,12	6,88	0,73	0,27

Qua bảng thống kê nhận thấy: Kết quả rèn luyện của HS lớp 10, 11 (cùng 01 đối tượng học sinh) qua 02 năm học thực hiện CT GDPT 2018 có độ chênh nhẹ, năm học sau có mức Tốt cao hơn năm đầu thực hiện CT mới là 4,51%.

Bảng 10: So sánh kết quả rèn luyện của HS lớp 11 năm học 2023-2024 (CT mới 2018) và lớp 11 năm học 2022-2023 (CT cũ 2006)

Kết quả rèn luyện HS lớp 11 năm học 2023-2024 (tính theo %)				Kết quả hạnh kiểm HS lớp 11 năm học 2022-2023 (tính theo %)			
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Tốt	Khá	TB	Yếu
92,12	6,88	0,73	0,27	91,79	7,09	0,92	0,21

Qua bảng thống kê nhận thấy: Kết quả rèn luyện của HS lớp 11 năm học 2023-2024 (CT GDPT 2018) so với Hạnh kiểm của HS thực hiện CT GDPT 2006 (cũ) là tương đương nhau (mức Tốt và Khá đều đạt 98-99%), không có sự chênh lệch lớn



Đồ thị 2. So sánh tỉ lệ HS lớp 11 đạt Mức Tốt của các trường THPT

b) Kết quả học tập

- Đối với cấp THCS

Bảng 11: So sánh kết quả học tập của HS lớp 6 qua 03 năm học cùng thực hiện CT GDPT 2018 (tính theo %)

TT	Năm học	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2021-2022	25,34	41,45	30,45	2,76
2	2022-2023	32,16	38,68	26,52	2,64
3	2023-2024	32,25	39,96	25,21	2,58

Bảng 12: So sánh kết quả học tập của HS lớp 7 qua 02 năm học cùng thực hiện CT GDPT 2018 (tính theo %)

TT	Năm học	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2022-2023	31,54	38,64	26,98	2,84
2	2023-2024	31,94	38,40	26,70	2,96

Qua bảng thống kê nhận thấy: Kết quả đánh giá học tập của HS khối 6,7 qua các năm thực hiện CT GDPT 2018 là khá ổn định, không có nhiều khác biệt.

Bảng 13: So sánh kết quả học tập của HS lớp 8 năm học 2023-2024 (CT mới 2018) và lớp 8 năm học 2022-2023 (CT cũ)

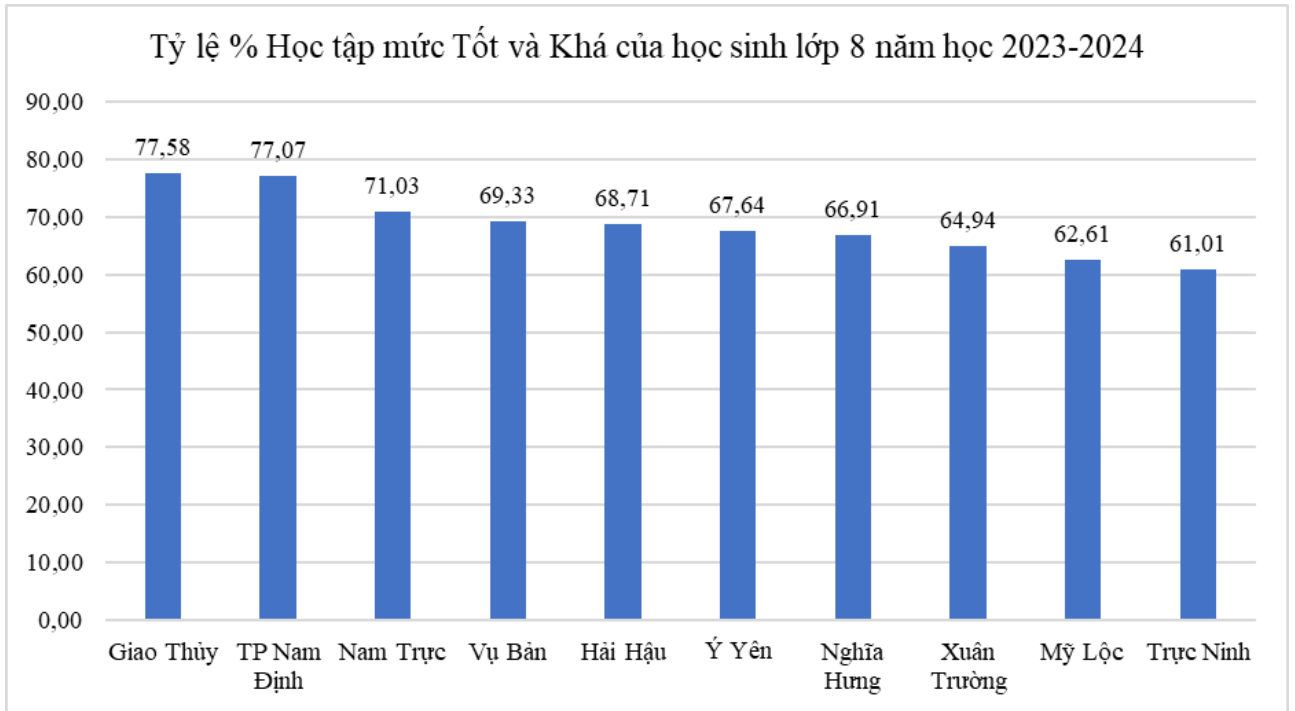
Kết quả học tập HS lớp 8 năm học 2023-2024 (tính theo %)				Kết quả học lực HS lớp 8 năm học 2022-2023 (tính theo %)				
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
31,23	37,95	27,45	3,37	30,46	42,13	25,49	1,78	0,14

Qua bảng thống kê nhận thấy: Kết quả rèn luyện của HS lớp 8 CT mới và CT cũ là tương đồng nhau, không có sự chênh lệch đáng kể, Mức Khá CT mới giảm so với CT cũ 4,18%, trong khi đó mức Chưa đạt CT mới cao hơn CT cũ là 1,45%.

Bảng 14: So sánh kết quả học tập của cùng 01 đối tượng HS qua 03 năm thực hiện CT GDPT 2018

TT	Năm học	Lớp	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2021-2022	6	25,34	41,45	30,45	2,76
2	2022-2023	7	31,40	38,64	26,98	2,84
3	2023-2024	8	31,23	37,95	27,45	3,37

Qua bảng kết quả nhận thấy: Cùng đối tượng HS qua 03 năm học, kết học tập có chiều hướng tăng so với năm đầu thực hiện và ổn định ở các năm học sau.



Đồ thị 3. Tỷ lệ % Học tập mức Tốt và Khá của học sinh lớp 8 năm học 2023-2024 của các huyện/thành phố

Qua đồ thị trên nhận thấy: Huyện Giao Thủy có tỷ lệ số học sinh đạt mức Tốt và Khá cao nhất tỉnh là 77,58%, tiếp đến là thành phố Nam Định và Nam Trực; Trực Ninh có tỉ lệ thấp nhất với 61,01%.

- Đối với cấp THPT

Bảng 15: So sánh kết quả học tập của HS lớp 10 qua 02 năm học cùng thực hiện CT GDPT 2018 (tính theo %)

TT	Năm học	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2022-2023	40,39	43,53	15,06	1,02
2	2023-2024	46,61	43,21	9,73	0,45

Qua bảng thống kê nhận thấy: Kết quả đánh giá học tập của HS khối 10 qua 02 năm học thực hiện CT GDPT 2018 có sự tăng lên đối với mức Tốt, so với năm học đầu tiên thực hiện, năm học thứ 2 mức Tốt đã tăng 6,22%, mức Khá ổn định và mức Đạt, mức Chưa đạt đều giảm.

Bảng 16: So sánh kết quả học tập của cùng 01 đối tượng HS qua 02 năm thực hiện CT GDPT 2018

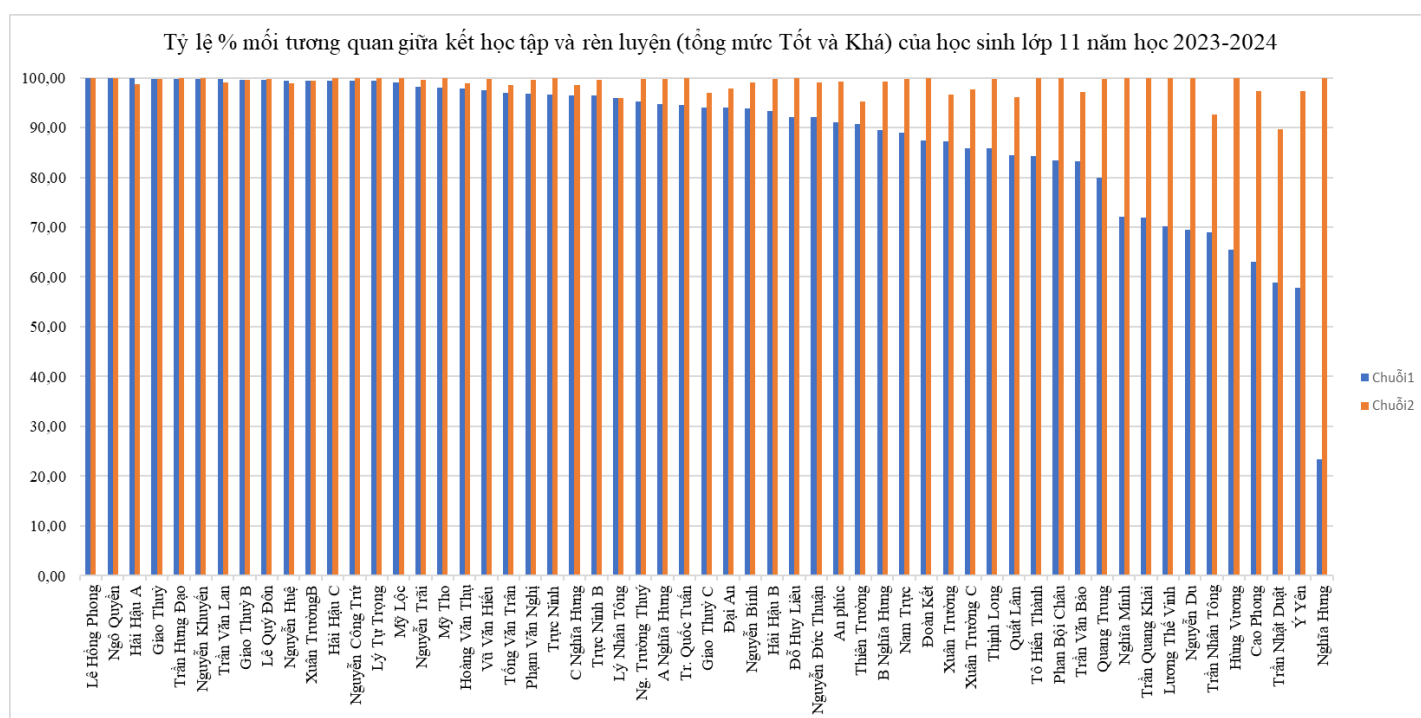
TT	Năm học	Lớp	Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt
1	2022-2023	10	40,39	43,53	15,06	1,02
2	2023-2024	11	52,45	39,69	7,42	0,45

Qua bảng kết quả nhận thấy: Cùng đối tượng HS qua 02 năm học, kết học tập có chiều hướng tăng; so với năm đầu thực hiện mức Tốt tăng 12,06% và mức Chưa đạt giảm 0,57%, qua đó ta thấy chiều hướng tiếp cận CT và phương pháp học của HS tốt hơn.

Bảng 17: So sánh kết quả học tập của HS lớp 11 năm học 2023-2024 (CT mới 2018) và lớp 11 năm học 2022-2023 (CT cũ 2006)

Kết quả học tập HS lớp 11 năm học 2023-2024 (tính theo %)				Kết quả Học lực HS lớp 11 năm học 2022-2023 (tính theo %)				
Mức Tốt	Mức Khá	Mức Đạt	Mức Chưa đạt	Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém
52,45	39,69	7,42	0,45	45,01	44,33	10,12	0,50	0,04

Từ kết quả thống kê cho thấy, kết quả học tập của HS lớp 11 theo CT mới tích cực hơn so với HS lớp 10 theo CT cũ; HS theo CT mới đạt mức Tốt cao hơn 7,44% so với loại Giỏi của HS theo CT cũ; trong khi HS ở mức Đạt so với mức TB và mức Chưa đạt so với loại Yếu, Kém là của CT mới thấp hơn.



* Chuỗi 1: Học tập, chuỗi 2: Rèn luyện

Đồ thị 4. Mối tương quan về tỉ lệ % HS lớp 11 đạt kết quả học tập, rèn luyện ở mức Tốt và Khá các trường THPT

Qua đồ thị trên nhận thấy: Tỷ lệ học sinh đạt kết quả học tập và rèn luyện mức Tốt và mức Khá ở rất nhiều đơn vị là tương đương. Tuy nhiên, một số đơn vị tỷ lệ rèn luyện Tốt, Khá gần 100%, nhưng tỷ lệ Tốt, Khá học tập chỉ khoảng hơn 20%.

c) Khen thưởng
- Đối với cấp THCS

Bảng 18: Tỷ lệ % HS lớp 6 năm học 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024 được khen thưởng (Qua 03 năm thực hiện Thông tư 22)

TT	Phòng GDĐT	HS xuất sắc (tính theo %)			HS giỏi (tính theo %)		
		2021-2022	2022-2023	2023-2024	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Ý Yên	3,04	2,55	3,97	20,64	25,06	26,91
2	Vụ Bản	3,03	3,48	6,84	25,72	28,92	28,51
3	Mỹ Lộc	2,80	3,00	3,18	21,75	20,45	16,57
4	TP Nam Định	7,63	17,21	14,52	29,56	38,06	35,01
5	Nghĩa Hưng	1,27	1,69	2,98	17,16	22,72	23,56
6	Trực Ninh	1,76	2,87	3,76	18,67	20,49	21,78
7	Nam Trực	0,33	1,79	2,35	22,46	23,88	27,96
8	Xuân Trường	2,03	3,97	4,50	19,68	23,58	23,53
9	Hải Hậu	2,62	4,12	5,00	19,22	26,62	26,05
10	Giao Thủy	2,76	5,83	5,76	23,53	23,63	0,03

Bảng 19: Tỷ lệ % HS lớp 7 năm học 2022-2023 và 2023-2024 được khen thưởng (Qua 02 năm thực hiện Thông tư 22)

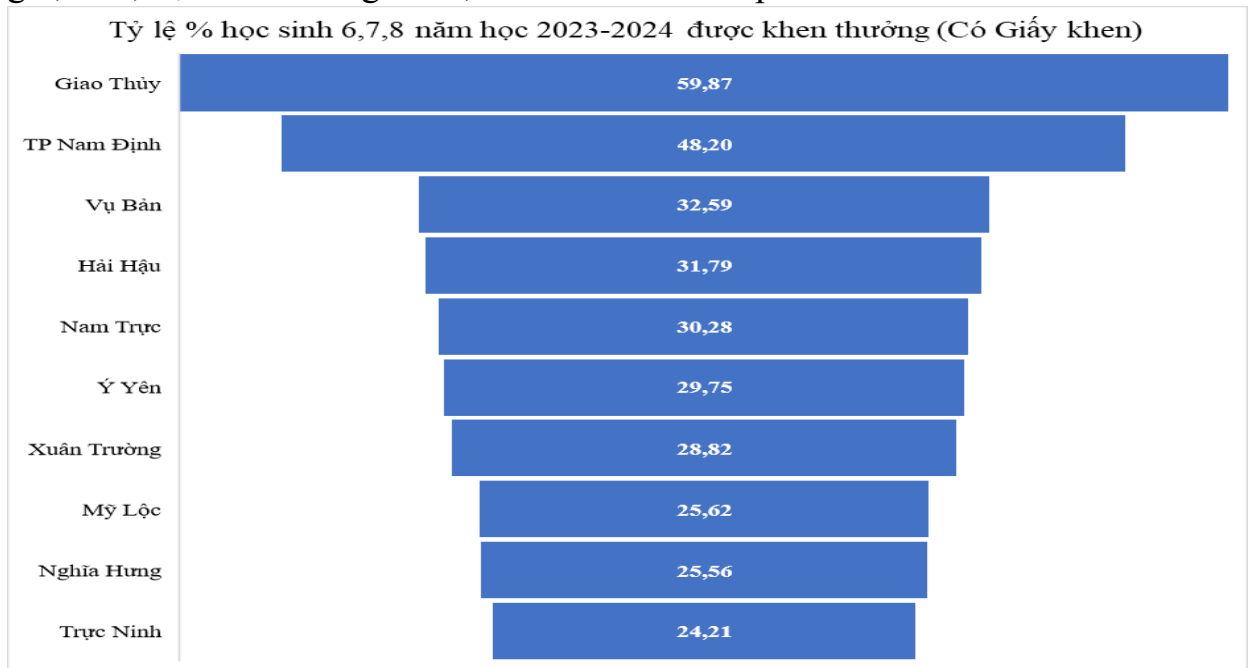
TT	Phòng GDĐT	HS xuất sắc (tính theo %)		HS giỏi (tính theo %)	
		2022-2023	2023-2024	2022-2023	2023-2024
1	Ý Yên	4,06	2,56	21,40	26,14
2	Vụ Bản	3,10	5,94	26,56	25,01
3	Mỹ Lộc	2,05	2,76	19,16	25,65
4	TP Nam Định	12,78	15,07	32,08	33,33
5	Nghĩa Hưng	1,77	3,04	19,10	21,92
6	Trực Ninh	2,29	3,56	19,15	20,62
7	Nam Trực	1,07	3,07	24,28	26,87
8	Xuân Trường	3,25	5,63	23,50	24,89
9	Hải Hậu	4,19	5,32	24,39	26,69
10	Giao Thủy	5,52	6,50	28,62	33,27

Qua các năm thực hiện việc đánh giá HS theo Thông tư 22 của Bộ GDĐT, đã có sự thay đổi đáng kể về tỷ lệ HS được khen thưởng loại Xuất sắc và loại Giỏi ở từng khối lớp, cơ bản mỗi huyện qua mỗi năm tỷ lệ đều tăng. Địa phương có tỷ lệ học sinh Xuất sắc và Giỏi cao nhất là thành phố Nam Định.

Bảng 20: Tỷ lệ % HS lớp 6 năm học 2021-2022, lên lớp 7 năm học 2022-2023 và lên lớp 8 năm học 2023-2024 được khen thưởng (cùng đối tượng HS)

TT	Phòng GDĐT	HS xuất sắc (tính theo %)			HS giỏi (tính theo %)		
		Lớp 6 (21-22)	Lớp 7 (22-23)	Lớp 8 (23-24)	Lớp 6 (21-22)	Lớp 7 (22-23)	Lớp 8 (23-24)
1	Ý Yên	3,04	4,06	2,49	20,64	21,40	26,83
2	Vụ Bản	3,03	3,10	7,48	25,72	26,56	22,94
3	Mỹ Lộc	2,80	2,05	2,85	21,75	19,16	27,98
4	TP Nam Định	7,63	12,78	16,16	29,56	32,08	29,86
5	Nghĩa Hưng	1,27	1,77	2,76	17,16	19,10	22,14
6	Trực Ninh	1,76	2,29	2,16	18,67	19,15	20,23
7	Nam Trực	0,33	1,07	3,09	22,46	24,28	27,54
8	Xuân Trường	2,03	3,25	4,62	19,68	23,50	23,50
9	Hải Hậu	2,62	4,19	4,99	19,22	24,39	27,54
10	Giao Thủy	2,76	5,52	6,38	23,53	28,62	33,03

So với năm học đầu tiên thực hiện CT GDPT, năm học thứ 2,3 (cùng đối tượng HS), kết quả học tập của HS ở lớp 7,8 được đánh giá có sự tiến bộ rất rõ rệt, cụ thể: HS lớp 8 loại Xuất sắc ở một số đơn vị tăng 8,53%, gấp hơn 02 lần so với cùng đối tượng HS ở lớp 6, HS loại Tốt cũng tăng 0,3-9,5%, huyện Vụ Bản tỷ lệ học sinh Xuất sắc tăng 4,45%, học sinh Giỏi giảm 2,78% so với năm lớp 6.



Đồ thị 5. So sánh tỷ lệ % HS lớp 6,7,8 được khen thưởng trong năm học 2023-2024 của các huyện/thành phố

Qua đồ thị nhận thấy: Tỷ lệ HS được khen thưởng giữa của huyện Giao Thủy có sự chênh lệch rất lớn đối với các huyện còn lại, cụ thể là 59,87%, gấp gần 03 lần so với huyện thấp nhất (Trực Ninh 24,21%).

- Đối với cấp THPT

Bảng 21: Tỷ lệ % HS lớp 10 năm học 2022-2023 và lớp 11 năm học 2023-2024 được khen thưởng (cùng 01 đối tượng HS học ở 02 năm học liên tiếp)

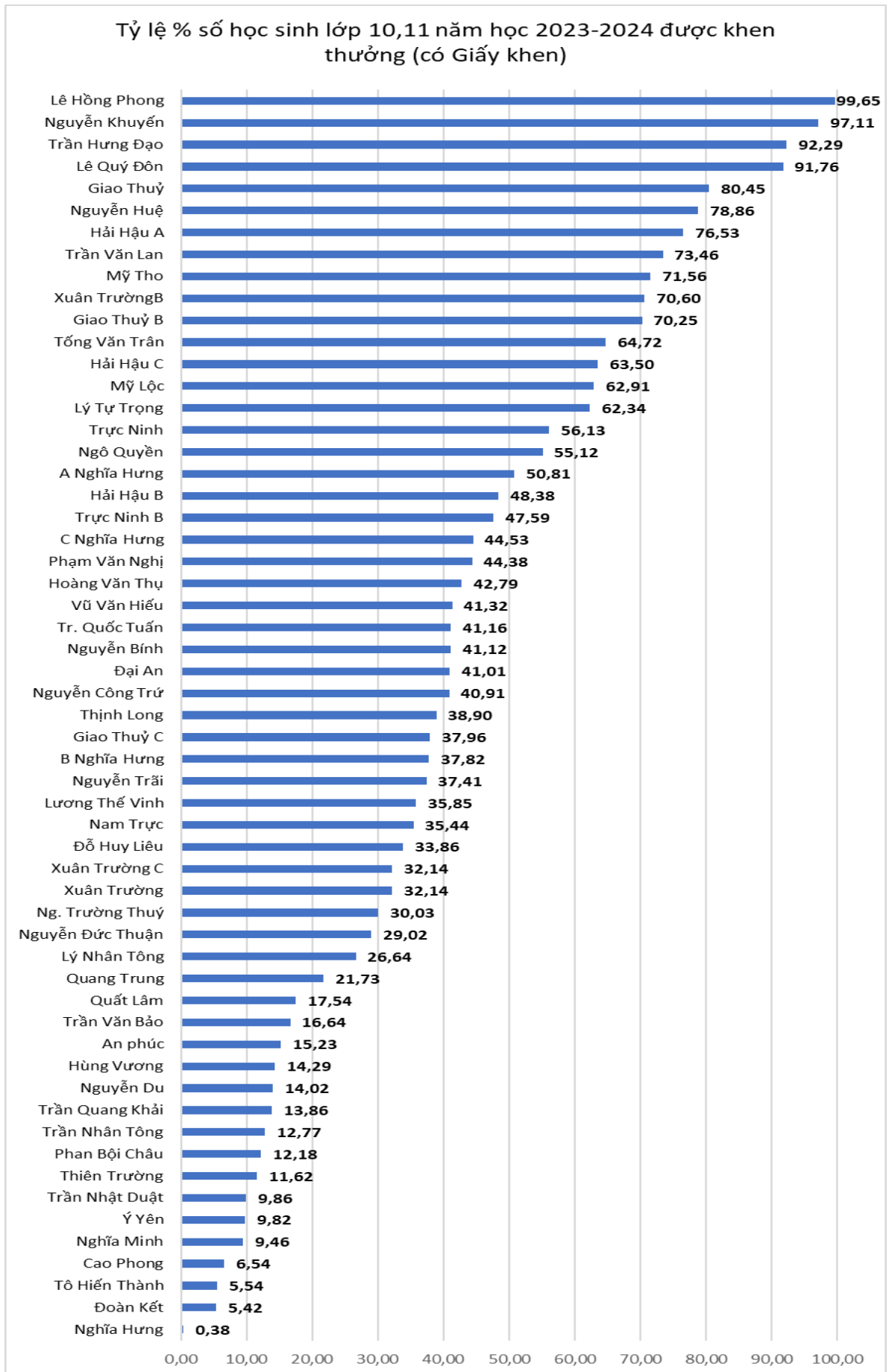
TT	Năm học	Lớp	HS xuất sắc	HS giỏi	Tổng
1	2022-2023	10	5,48	31,20	36,68
2	2023-2024	11	11,07	40,13	51,20

Qua bảng nhận thấy: So với năm đầu tiên khi thực hiện CT GDPT 2018 đến năm thứ 2, cùng 01 đối tượng học sinh tỷ lệ Xuất sắc và Giỏi đã tăng đáng kể, đặc biệt loại Xuất sắc tăng lên 11,07%, hơn 02 lần so với năm học 2022-2023.

Bảng 22: Tỷ lệ % HS lớp 11 năm học 2023-2024 (CT mới 2018) và lớp 11 năm học 2022-2023 (CT cũ 2006) được khen thưởng (So sánh khi thực hiện 02 Thông tư khác nhau)

Năm học 2023-2024 (tính theo %)		Năm học 2022-2023 (tính theo %)	
HS xuất sắc	HS giỏi	HS Giỏi	HS Tiên tiến
11,07 %	40,13 %	44,32%	44,56%
Số HS có Giấy khen: 10.478/20.465 chiếm 51,20 %		Số HS có Giấy khen: 15.670/18.907 chiếm 88,88 %	

Qua bảng nhận thấy: Khi thực hiện CT GDPT 2018 đối với lớp 11, tỷ lệ HS được khen thưởng (HS Xuất sắc và HS Giỏi) chiếm 51,20% thấp hơn so với số HS lớp 11 được khen thưởng năm học 2022-2023 khi thực hiện CT cũ (HS Giỏi và HS Tiên tiến) là 37,68%, giảm gấp 1,4 lần.



Đồ thị 6. So sánh tỉ lệ % HS được khen thưởng lớp 10,11 được khen thưởng năm học 2023-2024 của các trường THPT trong tỉnh

5. Đánh giá kết quả khảo sát chất lượng

Sở GDĐT tổ chức khảo sát chất lượng HS đối với khối lớp 8 và lớp 11:

a) Đối với cấp THCS

Khối 8, gồm 05 môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí lựa chọn khoảng 20% số trường THCS của mỗi huyện/thành phố theo hình thức trực tiếp vào tháng 5/2024.

Bảng 23: Thống kê các môn khảo sát lớp 8

TT	Môn học	Điểm trung bình	Tỉ lệ % điểm trên 5,00	Tỉ lệ % điểm dưới 5,00
1	Ngữ văn	7,19	91,80	8,20
2	Toán	7,21	83,70	16,30
3	Tiếng Anh	5,93	61,73	38,27
4	Khoa học tự nhiên	7,44	91,41	8,59
5	Lịch sử và Địa lí	5,62	69,22	30,78

Bảng 24: Số HS lớp 8 tham gia khảo sát đạt từ 5 điểm trở lên các môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, KHTN, Lịch sử và Địa lý theo huyện/thành phố

TT	Huyện/TP	Số HS khảo sát	Điểm trung bình	Số đạt từ 5,00 trở lên	Tỉ lệ %
1	Giao Thủy	3.460	6,86	2.906	83,99
2	Hải Hậu	3.755	6,81	3.143	83,70
3	Mỹ Lộc	1.510	5,03	793	52,52
4	Nam Trực	2.735	6,03	1.941	70,97
5	Nghĩa Hưng	1.490	7,20	1.308	87,79
6	Trực Ninh	3.332	6,70	2.604	78,15
7	TP Nam Định	4.321	6,76	3.436	79,52
8	Vụ Bản	2.867	7,46	2.568	89,57
9	Xuân Trường	2.499	6,90	2.039	81,59
10	Ý Yên	3.365	6,24	2.615	77,71
	Toàn tỉnh	29334	6,68	23353	79,61

Qua bảng thống kê nhận thấy: Điểm trung bình các môn khảo sát và tỉ lệ % HS đạt trên trung bình là khá cao, có thể khẳng định từ nền tảng lớp 6, 7 đến năm học 2023-2024 HS khối 8 tiếp cận tốt với CT GDPT 2018. Huyện Mỹ Lộc có tỷ lệ số HS đạt điểm 5 trở lên 05 môn khảo sát cao nhất, huyện thấp nhất là Xuân Trường. Tuy nhiên, kết quả không đánh giá toàn diện chất lượng giáo dục các huyện/thành phố do tỉ lệ % HS tham gia khảo sát lựa chọn chỉ có 20% số trường.

d) Đối với THPT

Khối 11 khảo sát 10 môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học và Tin học cho 100% các trường THPT trong tỉnh theo hình thức trực tiếp vào tháng 5/2024.

Bảng 25: Thống kê các môn khảo sát lớp 11

STT	Môn học	Điểm trung bình	Tỉ lệ % điểm trên 5,00	Tỉ lệ % điểm dưới 5,00
1	Ngữ văn	6,97	95,36	4,64
2	Toán	6,35	76,31	23,69
3	Tiếng Anh	7,32	89,76	10,24
4	Vật lí	7,42	89,93	10,07
5	Hóa học	6,62	81,53	18,47
6	Sinh học	6,85	92,36	7,64
7	Lịch sử	7,75	97,56	2,44
8	Giáo dục kinh tế và pháp luật	8,24	99,49	0,51
9	Địa lí	8,02	96,82	3,18
10	Tin học	7,17	100	0

Kết quả khảo sát cho thấy các đơn vị triển khai khá hiệu quả CT GDPT 2018, phần lớn HS nắm vững kiến thức cốt lõi theo yêu cầu cần đạt của chương trình.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học

Ngay trước khi bước vào thực hiện CT GDPT 2018, Sở GDĐT tổ chức tập huấn các nền tảng, học liệu điện tử cho các cơ sở giáo dục như: OLM của Đại học Sư phạm Hà Nội; Vioedu của Công ty phần mềm FPT; phối hợp Microsoft Việt Nam bàn giao tài khoản Admin cho Sở GDĐT và cấp 1 triệu tài khoản cho HS và 500 ngàn tài khoản Office 365 A1 cho GV miễn phí. Sở GDĐT đã cấp tài khoản admin cho 100% các trường THCS trong toàn tỉnh, các nhà trường cấp tài khoản Office 365 A1 cho GV và HS. Tập huấn ứng dụng AI vào dạy học cho 100% các trường THCS, THPT với hơn 6.000 CBQL, GV tham dự.

Sở GDĐT đã tổ chức hội thảo về dạy học ứng phó với dịch bệnh COVID-19, tập huấn bồi dưỡng hình thức dạy học trực tuyến, trong đó các đơn vị chia sẻ kinh nghiệm tổ chức kích hoạt phương án dạy học trực tuyến và phương pháp, kỹ năng dạy học trực tuyến hiệu quả, bảo đảm tâm lý HS, an toàn, an ninh mạng, các ứng dụng dạy học kèm theo bảo đảm HS hứng thú khi học tập trực tuyến.

Tập huấn mô-đun 9 về ứng dụng CNTT trong dạy học cho CBQL, GV cốt cán 10 phòng GDĐT và 100% CBQL, GV đại trà cấp THPT. Qua kiểm tra các đơn vị, các GV đã hoàn thành sản phẩm sau tập huấn là giáo án có ứng dụng CNTT được báo cáo viên đánh giá là giáo án có chất lượng tốt, có thể tham khảo tại các nhà trường.

7. Tài liệu giáo dục địa phương

Việc triển khai biên soạn, thẩm định tài liệu GDĐP được thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch; việc hoàn thành giảng dạy chương trình GDĐP lớp 6,7,8,10,11 đảm bảo đúng kế hoạch năm học. Hiện Hội đồng biên soạn, thẩm định Tài liệu giáo dục địa phương của tỉnh đã hoàn thành biên soạn, thẩm định xong Tài liệu GDĐP tỉnh Nam Định lớp 9 và lớp 12, UBND tỉnh đã đề nghị Bộ GDĐT phê duyệt.

Tuy nhiên, việc phát hành Tài liệu GDĐP các khối lớp đang gặp khó khăn do các quy định về đấu thầu nên các trường đang khắc phục bằng việc sử dụng bản mềm (pdf) để giảng dạy, điều này cũng gây không ít khó khăn đến việc học tập của HS và làm giảm hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục.

8. Kết quả một số cuộc thi, hội thi

a) Hội thi Giáo viên dạy giỏi THCS cấp tỉnh năm học 2023-2024 với sự tham gia của 97 GV. Hội thi tổ chức theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, các năng lực, phẩm chất này đều được cụ thể hóa bằng những yêu cầu cần đạt ở từng môn học, lớp học. Kết quả 97/97 (100%) giáo viên đạt loại Giỏi¹⁶; Giám đốc Sở ban hành Quyết định tặng Giấy khen cho 62/97 GV đoạt giải Nhất, Nhì, Ba; trao 10 cờ lưu niệm cho các phòng GDĐT.

Tuy nhiên, một số tiết dạy chưa bám sát theo yêu cầu cần đạt, chưa xác định được năng lực đặc thù, năng lực chung, phẩm chất phù hợp để xây dựng giáo án theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

b) Cuộc thi Toán và các môn Khoa học bằng tiếng Anh cấp tỉnh với tổng số 986 học sinh trong đó có 601 học sinh đoạt giải ở các môn và các khối lớp cụ thể như sau¹⁷:

Bảng 26: Thống kê kết quả Cuộc thi Toán và các môn Khoa học bằng tiếng Anh năm học 2023-2024 (năm đầu tiên thực hiện CT GDPT 2018)

TT	Môn	Nhất	Nhì	Ba	KK	Tổng số giải	Tổng số TS	Tỉ lệ đạt giải
1	Toán 8	4	23	25	21	73	119	61,3
2	Toán 11	4	23	31	24	82	136	60,3
3	Vật lí 11	5	28	30	27	90	146	61,6
4	Hoá học 11	4	27	27	26	84	138	60,9
5	Sinh học 11	3	20	22	19	64	106	60,4
6	Lịch sử 11	5	21	27	21	74	121	61,2
7	Địa lí 11	4	21	25	21	71	119	59,7
8	Tin học 11	3	20	21	19	63	101	62,4
Tổng		32	183	208	178	601	986	60,9

¹⁶ Toán: 19 (3 nhất, 5 nhì, 5 ba, 6 KK), Ngữ văn: 20 (2 nhất, 4 nhì, 7 ba, 7 KK), Tiếng Anh: 20 (3 nhất, 5 nhì, 4 ba, 8 KK), môn Lịch sử và Địa lý: 19 (2 nhất, 4 nhì, 6 ba, 7 KK) Phân môn Lịch sử: 9, Phân môn Địa lý: 10, Môn KHTN: 19 (2 nhất, 5 nhì, 5 ba, 7 KK): Mạch kiến thức: Chất và sự biến đổi của chất: 9, Mạch kiến thức: Vật sống: 10.

¹⁷ Quyết định số 105/QĐ-SGDĐT ngày 07/3/2023 của Sở GDĐT về việc công nhận kết quả và cấp giấy chứng nhận cho cá nhân đạt thành tích trong Hội thi giải Toán và các môn Khoa học bằng tiếng Anh cấp tỉnh năm học 2023-2024.

c) Năm học 2023-2024 cũng là năm đầu tiên Sở GDĐT tổ chức cuộc thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 8 và lớp 11 đối với CT GDPT 2018.

Đối với lớp 8 thi 03 môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh kết quả như sau¹⁸:

Bảng 27: Thống kê số học sinh lớp 8 đoạt giải tại Cuộc thi chọn học sinh giỏi lớp 8 năm học 2023-2024 (năm đầu tiên thực hiện CT GDPT 2018)

TT	Huyện/TP	Số HS dự thi	Số đoạt giải	% có giải	Nhất	Nhì	Ba	KK
1	TP Nam Định	74	63	85,14	8	28	17	10
2	Hải Hậu	50	39	78,00	3	13	10	13
3	Ý Yên	71	55	77,46	1	18	22	14
4	Giao Thủy	72	48	66,67	3	6	21	18
5	Xuân Trường	71	47	66,20	0	11	21	15
6	Vụ Bản	72	42	58,33	2	8	16	16
7	Nam Trực	58	32	55,17	0	7	10	15
8	Trực Ninh	55	30	54,55	1	12	8	9
9	Mỹ Lộc	21	11	52,38	0	2	6	3
10	Nghĩa Hưng	62	14	22,58	0	1	7	6
	Toàn tỉnh	606	381	62,87	18	106	138	119

Đối với lớp 11 thi 03 môn Toán, Ngữ văn, tiếng Anh, trong đó môn tiếng Anh THPT Lê Quý Đôn xếp thứ Nhất, môn Toán THPT Mỹ Lộc xếp thứ Nhất, môn Ngữ văn THPT Nguyễn Khuyến xếp thứ Nhất¹⁹.

¹⁸ Quyết định số 248/QĐ-SGDĐT ngày 15/3/2024 của Sở GDĐT về việc công nhận kết quả thi và giải cá nhân trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 8, 9 THCS năm học 2023-2024; Quyết định số 705/QĐ-SGDĐT ngày 08/5/2023 của Sở GDĐT về việc khen thưởng các tập thể, học sinh đạt thành tích cao trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 8, 9 THCS năm học 2023-2024.

¹⁹ Quyết định số 251/QĐ-SGDĐT ngày 19/3/2024 Về việc công nhận kết quả thi và giải cá nhân trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 11, 12 THPT&GDTX năm học 2023-2024; Quyết định số 705/QĐ-SGDĐT ngày 08/5/2023 của Sở GDĐT về việc khen thưởng các tập thể, học sinh đạt thành tích cao trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 8, 9 THCS năm học 2023-2024.

9. Kiểm tra việc thực hiện CT GDPT 2018

Năm học 2023-2024, Sở GDĐT đã tiến hành kiểm tra tại 06 trường THPT, 02 phòng GDĐT và kiểm tra minh chứng tại 08 trường THCS²⁰. Về cơ bản, 06 trường THPT, Phòng GDĐT, các đơn vị được kiểm tra đã thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ giáo dục trung học tại Công văn số 1459/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2023 của Sở GDĐT Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024.

Tuy nhiên, một số đơn vị chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch, soạn giáo án dạy thêm, học thêm chưa đảm bảo, còn sử dụng yêu cầu cần đạt chương trình chính khoá để đưa vào dạy thêm. Một số đơn vị giáo án chính khoá còn dạy ngoài yêu cầu cần đạt, chưa thể hiện một giáo án với các hoạt động học nhằm hình thành năng lực và phẩm chất cho học sinh.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Với sự nỗ lực của toàn ngành, sự tham mưu tích cực của Sở GDĐT, các phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục; sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, Nam Định đã triển khai thực hiện thành công CT GDPT 2018 đối với lớp 6,7,8,10,11. Kết quả đánh giá học tập và rèn luyện cho thấy HS đã tiếp cận tốt với CT mới, bước đầu đã phát triển và hình thành các phẩm chất, năng lực theo mục tiêu của Chương trình GDPT 2018; các em đã tích cực, chủ động hơn trong học tập, được tạo điều kiện để phát triển tối đa năng lực bản thân và được định hướng hướng nghiệp sớm. CBQL, GV đã được tập huấn, bồi dưỡng về đổi mới phương pháp quản lý, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá và đã áp dụng thành công, mang lại những hiệu quả tích cực. Đội ngũ GV đã được rà soát, sắp xếp, điều động, biệt phái; cử đi đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo chất lượng, chủng loại đáp ứng việc triển khai CT GDPT 2018. Các cơ sở giáo dục, các địa phương đã quan tâm đầu tư kinh phí, vận động các nguồn xã hội hoá hợp pháp để nâng cấp CSVC, bổ sung mua sắm và sửa chữa thiết bị phục vụ việc đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá. Có thể nói việc đổi mới CT GDPT 2018 đối với lớp 6,7,8,10,11 tại Nam Định đang được triển khai đúng hướng, đồng bộ và đạt hiệu quả cao.

²⁰ Quyết định số 1087/QĐ-SGDĐT ngày 30/8/2023 của Sở GDĐT về việc Phê duyệt kế hoạch kiểm tra năm học 2023-2024; Quyết định số 1236/QĐ-SGDĐT ngày 02/10/2023 của Sở GDĐT về việc kiểm tra công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học đầu năm học 2023-2024 (THPT A Nghĩa Hưng, Ý Yên, Hoàng Văn Thụ); Quyết định số 1241/QĐ-SGDĐT ngày 04/10/2023 của Sở GDĐT về việc kiểm tra công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học đầu năm học 2023-2024 (phòng GDĐT huyện Nam Trực); Quyết định số 595/QĐ-SGDĐT ngày 02/4/2024 của Sở GDĐT về việc kiểm tra công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cuối năm học 2023-2024 (THPT Đại An, Nguyễn Khuyến, Trực Ninh); Quyết định số 601/QĐ-SGDĐT ngày 05/4/2024 của Giám đốc Sở GDĐT tỉnh Nam Định về việc kiểm tra Công tác quản lý, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cuối năm học 2023-2024 (phòng GDĐT huyện Giao Thủy).

2. Hạn chế, khó khăn

- Các đơn vị phải điều chỉnh Kế hoạch giáo dục một số môn học: nội dung GDĐP, môn Lịch sử và Địa lý, khi dịch bệnh xảy ra...;
- CSVC ở một số nhà trường chưa đáp ứng quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020, một số khối công trình đã xây dựng từ lâu hiện đang xuống cấp;
- TBDH thuộc CT cũ từ năm 2006 hỏng nhiều do đã cấp nhiều năm, việc quản lý bảo dưỡng, tăng cường mua sắm còn ít, chưa được quan tâm đúng mức;
- Thiếu GV cục bộ ở một số nhà trường, đặc biệt là các môn học mới như: môn KHTN, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Tin học (cấp THCS)....;
- Kế hoạch giáo dục một số nhà trường chưa linh hoạt; các giải pháp chưa có tính khả thi cao, chưa bám sát hướng dẫn nhiệm vụ trung học hằng năm; việc dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chưa thực hiện linh hoạt theo chỉ đạo của Bộ và Sở GDĐT; việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá ở một số đơn vị còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các đơn vị;
- Một số GV chưa quan tâm nâng cao chất lượng kế hoạch bài dạy (giáo án); chưa bám sát vào yêu cầu cần đạt của chương trình, chưa thể hiện rõ phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, một số giáo án còn đi sâu cung cấp nội dung kiến thức;
- Một số phòng GDĐT chưa kịp thời hướng dẫn, kiểm tra, điều chỉnh việc dạy môn KHTN. Một số môn học/HĐGD nhà trường phân công GV đứng lớp chưa bảo đảm năng lực, chưa đúng chuyên môn được đào tạo (môn KHTN, nội dung GDĐP ...);
- Việc xây dựng tổ hợp môn lựa chọn của một số trường THPT chưa thực sự khoa học; việc tuyên truyền, tư vấn cho HS đăng ký học các môn lựa chọn theo tổ hợp một số trường chưa tốt; số lượng HS đăng ký các tổ hợp môn học lựa chọn có sự chênh lệch đáng kể gây khó khăn việc xếp lớp và còn hiện tượng HS xin đổi nguyện vọng sau khi có Quyết định về thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 của Bộ GDĐT, gây khó khăn trong công tác tổ chức và làm xáo trộn kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- Một số hoạt động chuyên môn ở một số cụm trường mang tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả. Một số huyện chưa tổ chức tập huấn mô-đun 5, 9 đại trà cho 100% GV theo quy định; việc tự học tự bồi dưỡng của GV còn hạn chế, thụ động;
- HS học cấp tiểu học và cấp THCS theo CT cũ 2006, khi chuyển cấp học theo CT mới nên một số em chưa quen, chưa tiếp cận kịp thời với CT GDPT 2018.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Bộ GDĐT ban hành một số văn bản hướng dẫn, chỉ đạo chậm; một số văn bản hướng dẫn thực hiện CT GDPT 2018 không đồng nhất với nội dung tập huấn của các giảng viên (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp), Bộ GDĐT thay đổi thường xuyên phương án dạy học các môn tích hợp (môn KHTN, Lịch sử và Địa lý) nên ảnh hưởng đến việc triển khai CT tại các cơ sở giáo dục;

- Một bộ phận GV khả năng ứng dụng CNTT yếu nên chậm trong việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá do vậy ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai CT GDPT 2018;

- Nguồn kinh phí đầu tư nâng cấp CSVC, mua sắm trang TBDH hạn hẹp nên đã ảnh hưởng ít nhiều đến hiệu quả triển khai CT GDPT 2018;

- CT GDPT 2018 có nhiều môn học mới, HS khối THPT học theo tổ hợp môn học lựa chọn nên làm thay đổi cơ cấu GV, trong khi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV còn nhiều vướng mắc;

- Một bộ phận CBQL và GV còn hạn chế về năng lực chuyên môn; chưa nghiên cứu kỹ CT GDPT 2018, chưa nhận thức đúng về 01 chương trình với nhiều bộ SGK, vẫn coi trọng dạy để ứng thí với các kì thi, kì kiểm tra của cơ quan quản lý;

- Một số HS, cha mẹ HS chưa được cung cấp thông tin đầy đủ về chương trình và SGK, đưa ra những nhận định, đánh giá chưa thật phù hợp và đầy đủ, gây áp lực cho GV, nhà trường và ngành giáo dục;

- Một số đơn vị chưa quan tâm đến việc bổ sung kiến thức, kỹ năng còn khác biệt giữa 02 CT cũ và mới đối với HS đầu cấp theo văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT;

- Các đơn vị chưa quan tâm, chú trọng nhiều đến công tác bồi dưỡng đội ngũ tại chỗ; việc triển khai thảo luận, chia sẻ các chương trình bồi dưỡng, tập huấn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT tại các cơ sở giáo dục còn hình thức; chưa dành nhiều thời gian thảo luận kỹ việc xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động chuyên môn;

- Các trường chưa sử dụng hiệu quả cổng thông tin điện tử (Website) của đơn vị để truyền thông về CT GDPT 2018, công khai chất lượng giáo dục và thông báo các hoạt động nhà trường;

- Số lượng biên chế đối với các phòng GDĐT ít, một số huyện chỉ có 01 chuyên viên phụ trách cả cấp học nên khó khăn trong việc tham mưu chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đổi mới.

4. Bài học kinh nghiệm

Qua 03 năm triển khai, thực hiện CT GDPT 2018, Sở GDĐT đã rút được một số bài học kinh nghiệm, cụ thể:

(1) Quán triệt và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về chuyên môn; xây dựng kế hoạch linh hoạt và triển khai các văn bản chỉ đạo thống nhất giữa các cấp, vận dụng phù hợp với điều kiện từng địa phương, từng nhà trường.

(2) Đẩy mạnh truyền thông tới các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương, cha mẹ HS và toàn xã hội về CT GDPT 2018 về những đổi mới của ngành, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội; thường xuyên trao đổi tình hình học tập, rèn luyện của HS để cha mẹ HS đồng hành cùng nhà trường, hỗ trợ, hướng dẫn con em trong quá trình học tập.

(3) Nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ CBQL, năng lực chuyên môn của đội ngũ GV trực tiếp triển khai CT GDPT 2018 và các lớp tiếp theo. Tổ chức tập huấn tới CBQL, GV đại trà về các mô-đun thuộc CT GDPT 2018, công tác tập huấn được thực hiện kỹ lưỡng, dành nhiều thời gian cho GV nghiên cứu chương trình, đọc SGK, trao đổi và làm rõ yêu cầu cần đạt, nội dung, phương pháp và kỹ thuật dạy học đối với từng môn học, từng bài/chủ đề. Tạo điều kiện để GV chủ động linh hoạt thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với thực tế trường, lớp, khả năng tiếp thu của HS. Dành nhiều thời gian rèn nền nếp, phương pháp học tập chủ động, tích cực, năng động cho HS trong thời gian đầu của mỗi năm học.

(4) Tăng cường dự giờ, thăm lớp, tổ chức sinh hoạt chuyên môn qua nghiên cứu bài học để chia sẻ kinh nghiệm dạy học các môn học, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh. Sử dụng thành thạo các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực HS; chú trọng dạy học theo đối tượng; thầy là người tổ chức các hoạt động học cho HS... tạo không khí tích cực, sôi nổi trong giờ học.

(5) Phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của tổ/nhóm chuyên môn: thống nhất kế hoạch giảng dạy; trao đổi tháo gỡ những vướng mắc; ứng dụng hợp lý CNTT, sử dụng hiệu quả học liệu điện tử kèm theo SGK hoặc từ các nguồn đã được kiểm định để tăng tính trực quan, hấp dẫn, dễ hiểu... thường xuyên làm, suy tầm và sử dụng hiệu quả đồ dùng, TBDH;...

(6) Tăng cường công tác thanh, kiểm tra chuyên môn đối với cấp phòng, trường, tổ/nhóm và GV.

(7) Xây dựng hệ thống tiếp nhận thông tin, giải đáp thắc mắc từ các trường THCS/THPT đến Sở GDĐT/chuyên viên phụ trách môn học (Hội đồng chuyên môn) liên thông, liền mạch, giảm bớt hệ thống trung gian.

(8) Quan tâm sửa chữa, sắp xếp CSVC, TBDH hiện có một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng; xây dựng kế hoạch đầu tư tăng cường CSVC, mua sắm bổ sung, tự làm TBDH, làm tốt công tác xã hội hóa để bổ sung CSVC, TBDH đáp ứng yêu cầu tối thiểu.

(9) Dành thời gian thích hợp tổ chức cho HS làm quen với môi trường mới, giúp các em tự tin, tích cực, chủ động, năng động trong học tập ngay từ những tiết học đầu tiên. Thường xuyên nắm bắt thông tin từ CBQL, GV và cha mẹ HS để có những chỉ đạo kịp thời.

(10) Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi các cấp, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường, toàn huyện/thành phố, tỉnh để GV trao đổi, học hỏi về chuyên môn, đưa ra các giải pháp thực hiện hiệu quả các tiết dạy, các HĐGD, sử dụng các ngữ liệu, học liệu, tài liệu tham khảo. Xây dựng hệ thống tài liệu tham khảo dùng chung toàn tỉnh (bài giảng, giáo án, đề kiểm tra định kỳ, sản phẩm sau tập huấn).

VII. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2024-2025

1. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đổi mới chương trình, sách giáo khoa để tạo sự đồng thuận của xã hội và quyết tâm mạnh mẽ hơn nữa trong toàn thể đội ngũ CBQL, GV; thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên²¹; nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến; tháo gỡ những vướng mắc, khắc phục tồn tại, hạn chế.

2. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tuyển sinh đầu cấp phù hợp với CT GDPT 2018 nhất là đối với các môn học như KHTN, Lịch sử và Địa lý. Xây dựng phương án thi học sinh giỏi các cấp phù hợp với kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 chuyên và không chuyên, Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025.

3. Phát huy sự chủ động của các cơ sở giáo dục, các nhà giáo; chỉ đạo các đơn vị thực hiện đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ/nhóm, GV. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với đội ngũ GV, CSVCS, TBDH²²; phân công GV dạy học các môn học và HĐGD phù hợp chuyên môn được đào tạo, bảo đảm tính khoa học, sư phạm và số tiết/tuần của GV. Xây dựng kế hoạch dạy thêm, học thêm nhà trường, tổ/nhóm và GV theo quy định, đảm bảo nhu cầu học sinh đăng ký các môn thi tốt nghiệp THPT.

4. Xây dựng kế hoạch dạy học, bài dạy (giáo án) các môn học bám sát yêu cầu cần đạt theo CT GDPT 2018; thực hiện chương trình môn học chủ động, sáng tạo, linh hoạt nhất là môn KHTN, Lịch sử và Địa lý (có thể dạy song hành hoặc logic), hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, GDĐP ...; tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học²³; tổ chức tập huấn, hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, viết câu hỏi, ra đề theo định dạng và cấu trúc Kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm học 2025; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế cơ sở giáo dục.

5. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS; tổ chức Hội thi GV dạy giỏi cấp THPT cấp tỉnh vào Học kỳ I, khuyến khích các đơn vị tổ chức cấp trường, cấp huyện theo quy định; tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống; dạy học tích hợp, lồng ghép.

6. Tiếp tục tham mưu, thực hiện đồng bộ các giải pháp giải quyết tình trạng thừa, thiếu GV cục bộ; thực hiện linh hoạt, bố trí, sắp xếp, luân chuyển, biệt phái CBQL, GV bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu theo quy định; tiếp tục tuyển dụng bảo đảm

²¹ Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 20/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và các văn bản khác có liên quan.

²² Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; Công văn số 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 về việc triển khai thực hiện chương trình.

²³ Công văn số 1088/SGDĐT-GDTrH ngày 11/9/2013 của Sở GDĐT về việc nâng cao chất lượng và hiệu quả sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn góp phần đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

đủ số biên chế được giao; thực hiện hiệu quả công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ GV theo lộ trình để dạy các môn học mới, môn học tích hợp, phát huy vai trò đội ngũ GV cốt cán; bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng lý luận chính trị CBQL, GV.

7. Tiếp tục tham mưu các cấp chính quyền đầu tư kiên cố hóa trường lớp học, xóa phòng học tạm, phát triển trường lớp học ở các khu vực có dân số tăng nhanh, khu vực đông dân cư, khu công nghiệp; bảo đảm đầy đủ CSVC, TBDH tối thiểu phục vụ triển khai Chương trình; quản lý, sử dụng hiệu quả THDH.

8. Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ma trận đề kiểm tra theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học; chuẩn bị cho học sinh lớp 9 làm quen với định hướng đề thi tuyển sinh vào lớp 10, học sinh lớp 12 làm quen với định hướng đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo Quyết định số 4068/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2023 của Bộ GDĐT về phương án tổ chức Kỳ thi, Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ GDĐT quy định cấu trúc dạng đề thi.

9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình, mua sắm TBDH; thanh tra, kiểm tra công tác tổ chức thi tốt nghiệp THPT; thực hiện kiểm tra, thanh tra công tác lựa chọn SGK.

10. Tăng cường ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường; khuyến khích GV thiết kế bài giảng điện tử, thí nghiệm ảo, TBDH số, tự làm đồ dùng dạy học và tích cực tham gia các hội thi có liên quan của các cấp (nếu có).

11. Tổ chức tổng kết đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Chính phủ.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Bộ GDĐT

- Có văn bản hướng dẫn để tháo gỡ các khó khăn trong việc đặt hàng đào tạo (việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của GV THCS được thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu); việc in ấn, phát hành tài liệu GDĐP.

- Ban hành quy định mới về dạy thêm học thêm, tuyển sinh đầu cấp phù hợp với CT GDPT 2018.

- Tập huấn viết câu hỏi và xây dựng đề kiểm tra, thi theo Quyết định số 764/QĐ-BGDĐT ngày 08/3/2024 của Bộ GDĐT.

- Sớm quyết định cách thức sắp xếp các môn thi trong các ngày thi tốt nghiệp để học sinh lựa chọn môn thi.

- Giới thiệu các điển hình toàn quốc để các trường khác tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm.

2. Đối với UBND tỉnh

- Bố trí ngân sách hằng năm cho: Sở GDĐT, UBND các huyện, thành phố thực hiện mua sắm TBDH tối thiểu theo quy định.

- Chỉ đạo các cấp tuyển dụng đủ nhu cầu về GV cho các cơ sở giáo dục theo chỉ tiêu, tuyển dụng nhân viên theo khung vị trí việc làm nhất là thư viện và thiết bị cấp THCS.

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng GV theo Kế hoạch.

3. Đối với UBND cấp huyện

- Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về GDĐT trên địa bàn theo quy định nhằm thực hiện có hiệu quả CT GDPT 2018.

- Tổ chức tổng kết đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền địa phương đầu tư cơ sở vật, sửa chữa, xây mới các phòng học và khôi công trình phục vụ học tập cho HS./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GDĐT;
- UBND tỉnh;
- UBND huyện/thành phố;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDTrH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Đức Thọ